

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 84/VQĐ-ĐHKG ngày 15 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **Sư Phạm Toán học (Mathematics Teacher Education)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Toán học**

Mã ngành: **7140209**

## I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên Toán học có trình độ cử nhân, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm với xã hội. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học tích cực; cung cấp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về toán sơ cấp, toán hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy ở trường phổ thông; có kỹ năng tự học và phát triển tư duy sáng tạo.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### 1.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên:

PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

PO2: Trang bị kiến thức về Toán hiện đại, Toán sơ cấp, phương pháp dạy học và Toán ứng dụng, cũng như các tư duy thuật Toán.

#### 1.2.2 Về kỹ năng:

Sinh viên có khả năng:

PO3: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

PO4: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

PO5: Nắm vững các kiến thức, kĩ năng toán học cần thiết nhằm đáp ứng nhiệm vụ dạy học của người giáo viên toán; Có các năng lực sư phạm cần thiết như: năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực định hướng sự phát triển của học sinh, năng lực phát triển cộng đồng để có thể đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy, học ở trường phổ thông.

### 1.2.3. Về thái độ:

PO6: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống; Yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

## II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

### 2.1. Học phần khối kiến thức đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

### 2.2. Học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

PLO7: Vận dụng các nội dung của khoa học giáo dục vào hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

PLO8: Vận dụng nội dung Toán cao cấp để giải quyết vấn đề thực tiễn và hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

PLO9: Vận dụng nội dung Toán sơ cấp để giảng dạy hiệu quả các nội dung môn Toán bậc phổ thông.

PLO10: Vận dụng được các nguyên lý – phương pháp dạy học, chương trình môn học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học trong hoạt động giảng dạy.

PLO11: Vận dụng được các phương pháp kiểm tra – đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học trong hoạt động giảng dạy.

PLO12: Vận dụng các hoạt động giáo dục để giải quyết vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Thể hiện được năng lực chung và năng lực đặc thù để giải quyết vấn đề thực tiễn và hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

**Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.**

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	X	X											
PO2							X	X	X	X	X	X	X
PO3	X	X				X							
PO4			X	X	X	X	X						
PO5					X		X	X	X	X	X	X	X
PO6		X			X	X							X

**Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)**

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		X													
PLO2		X													
PLO3											X				
PLO4			X												
PLO5				X	X	X	X			X			X		
PLO6		X										X			X
PLO7	X			X											
PLO8	X			X		X		X						X	
PLO9	X			X											
PLO10				X		X		X	X						X
PLO11				X				X	X						X
PLO12				X											X
PLO13			X			X		X	X	X		X		X	X

### III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

**Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	73	20

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	28	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	51	45	6
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
<b>Tổng cộng:</b>		<b>121</b>	<b>97</b>	<b>24</b>



## IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết				
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm	Thực tập	Tổng
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>28</b>					
<b>1.1 Khối kiến thức bắt buộc</b>			<b>24</b>					
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	8	0	0	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	9	0	0	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	6	0	0	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	0	0	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	9	0	0	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	0	30	0	60
8	F25016	Tiếng Anh 1 (Toeic)	2	15	15	0	0	30
9	F25017	Tiếng Anh 2 (Toeic)	3	30	15	0	0	45
10	F25018	Tiếng Anh 3 (Toeic)	3	30	15	0	0	45
<b>1.2. Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)</b>			<b>12</b>					
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	0	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	0	60	0	60

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
<b>1.3 Kiến thức tự chọn</b>			<b>4</b>				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
22	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	0	30
<b>II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>93</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>32</b>				
<b>2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>			<b>28</b>				
23	A26001	Tâm lý học sư phạm	2	15	0	15	30
24	A26002	Giáo dục học	3	30	30	0	60
25	A26005	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	0	30	0	30
26	A26028	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy Toán	2	15	30	0	45
27	A26126	Phương pháp dạy học Toán	3	15	60	0	75
28	A26010	Thiết kế chương trình Toán	2	15	30	0	45
29	A26207	Tập giảng Toán	3	0	90	0	90
30	A26014	Thực tập sư phạm Toán học 1	2	0	90	0	90
31	A26015	Thực tập sư phạm Toán học 2	3	0	135	0	135

11/10/2021

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
32	A26016	Cơ sở logic và lý thuyết tập hợp	2	20	0	10	30
33	A26017	Hình học giải tích	2	20	0	10	30
34	A26018	Đại số tuyến tính – Toán	3	30	0	15	45
<b>2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>			<b>4</b>				
35	A26006	Nguyên lý dạy học Toán	2	20	0	10	30
36	A26003	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	20	0	10	30
37	A26219	Các xu hướng dạy học Toán	2	20	0	10	30
38	A26012	Đánh giá kết quả học tập toán	2	20	0	10	30
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>51</b>				
<b>2.2.1. Kiến thức ngành bắt buộc</b>			<b>45</b>				
39	A27197	Giải tích hàm một biến	2	20	0	10	30
40	A27331	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2	20	0	10	30
41	A27333	Giải tích hàm nhiều biến	3	30	0	15	45
42	A27334	Hàm phức	2	20	0	10	30
43	A27335	Tôpô đại cương	2	20	0	10	30
44	A27336	Phương trình đạo hàm riêng	2	20	0	10	30
45	A27337	Độ đo và tích phân L <sub>o</sub> Be	2	20	0	10	30
46	A27338	Giải tích hàm	2	20	0	10	30
47	A27339	Lý thuyết nhóm	2	20	0	10	30



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
48	A27001	Lý thuyết vành và trường	3	30	0	15	45
49	A27003	Số học	2	20	0	10	30
50	A27004	Xác suất thống kê Toán	3	30	0	15	45
51	A27005	Quy hoạch tuyến tính toán	2	20	0	10	30
52	A27006	Đại số sơ cấp	2	20	0	10	30
53	A27007	Hình học Aphin và Euclide	3	30	0	15	45
54	A27008	Hình học xạ ảnh	2	20	0	10	30
55	A27340	Hình học vi phân	2	20	0	10	30
56	A27198	Hình học sơ cấp	3	20	0	10	30
57	A27016	Anh văn chuyên ngành sư phạm Toán	2	20	0	10	30
58	A27028	Giải toán phổ thông	2	20	0	10	30
<b>2.2.2. Kiến thức ngành tự chọn</b>			<b>6</b>				
59	A27011	Lịch sử Toán	2	20	0	10	30
60	A27012	Giải tích số	2	20	0	10	30
61	A27013	Cơ sở hình học	2	20	0	10	30
62	A27014	Toán rời rạc	2	20	0	10	30
63	A27017	Hoạt động dạy và học môn Toán	2	20	0	10	30
<b>2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương</b>			<b>10</b>				
64	A28050	Khóa luận tốt nghiệp Toán học	10	0	450	0	450
65	A28051	Giải tích lồi	2	20	0	10	30
66	A28052	Đại số đồng điều	2	20	0	10	30
67	A28053	Hình học họa hình	2	20	0	10	30
68	A28054	Maple	2	20	0	10	30
69	A28055	Giải tích đa trị	2	20	0	10	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
70	A28056	Môđun trên vành giao hoán	2	20	0	10	30
71	A28057	Lý thuyết Galois	2	20	0	10	30

#### V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. /.

HIỆU TRƯỞNG  
 KT. HIỆU TRƯỞNG  
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành